TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LONG ĐẤT** **TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2025/HS-ST
Ngày: 20-02-2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG ĐẤT, TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Ngân

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Hồng Sơn

Ông Nguyễn Công Danh

- *Thư ký phiên tòa*: Ông Phan Cao Thiên – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Đất, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Đất tham gia phiên tòa*: Bà Hoàng Thị Huyến – Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 02 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Đất, tỉnh Bà Rịa -Vũng Tàu xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 183/2024/TLST-HS ngày 30/12/2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2025/QĐXXST-HS ngày 20/01/2025 đối với các bị cáo:

1. Quách Phương Ngọc N, sinh năm 2003 tại tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu; HKTT và nơi ở hiện nay: Ấp T, xã T, huyện Đ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Giới tính: Nữ; Trình độ học vấn: 9/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Con ông Quách Diệp T, không rõ năm sinh và bà Phương Tú D, sinh năm 1977; Bị cáo chưa có chồng, con.

- Tiền án, tiền sự: Không.

- Nhân thân: Ngày 22/8/2024, bị Công an xã N, huyện Đ ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 42/QĐ-XPHC về hành vi "Sử dụng trái phép chất ma tuý" với số tiền 1.500.000 đồng.

Bị cáo hiện đang tại ngoại (có mặt).

2. Hoàng Nguyễn H, sinh năm 1999 tại tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu; HKTT: Ấp L, xã H, huyện Đ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu; Nơi ở hiện nay: Không có nơi cư trú ổn định; Nghề nghiệp: Không; Giới tính: Nam; Trình độ học vấn: 9/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Con ông Hoàng Tiến H, sinh năm 1975 và bà Nguyễn Thị Thuý H, sinh năm 1980; Bị cáo chưa có vợ, con.

- Tiền án: Không

- Tiền sự: Ngày 21/5/2024, bị UBND xã H ra Quyết định số 09/QĐ-UBND về việc áp dụng biện pháp quản lý người sử dụng trái phép chất ma tuý, với thời hạn 01 năm.

- Nhân thân:

+ Ngày 05/5/2020, bị Tòa án nhân dân thị xã M, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xử phạt 01 năm 6 tháng tù về tội "Giao cấu với người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi" theo Bản án số 37/2020/HS-ST. Chấp hành án xong ngày 30/01/2021.

+ Ngày 22/8/2024, bị Công an xã N, huyện Đ ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 43/QĐ-XPHC về hành vi "Sử dụng trái phép chất ma tuý" với số tiền 1.500.000 đồng.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 28/10/2024 đến nay (có mặt).

- **Bị hại:** Bà Thạch Thị Mai L, sinh năm 2006. Địa chỉ: Tổ 2, khu phố H, thị trấn H, huyện Đ, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu (có đơn xin vắng mặt).

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan**:

+ Ông Hồ Phi C, sinh năm 1988. Địa chỉ: Tổ 1/81 Ô1, khu phố A, thị trấn H, huyện Đ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (có đơn xin vắng mặt).

+ Bà Mai Thị M, sinh năm 1971. Địa chỉ: Tổ 2, khu phố H, thị trấn H, huyện Đ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (có đơn xin vắng mặt).

- **Người làm chứng**: Ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1985. Địa chỉ: Ấp T, xã A, huyện Đ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (có đơn xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 13 giờ ngày 11/8/2024, Hoàng Nguyễn H điều khiển xe mô tô biển số 61-470.DL chở Quách Phương Ngọc N đến phòng số 5 nhà nghỉ "Hoàng Đức" tại ấp T, xã A, huyện Đ tìm gặp Lê Thị Phương H1. Lúc này, H1 đang thuê phòng ở cùng chị Thạch Thị Mai L và chị Nguyễn Thị Ngọc A. Khi đến nơi, N thấy chị L nên hai bên xảy ra xô xát với nhau nhưng được can ngăn, nguyên nhân là do có mâu thuẫn trước đó. Sau đó, H, H1 và N rủ nhau cùng sử dụng ma túy trong phòng. Sau khi sử dụng ma tuý, N và H đi khỏi nhà nghỉ. Đến khoảng 23 giờ cùng ngày, N và H quay lại nhà nghỉ "Hoàng Đức" thuê phòng khác để ở. Do bực tức mâu thuẫn trước đó với chị L và biết chị L để chiếc xe mô tô nhãn hiệu: Honda, loại xe: Air Blade, biển số 72E1-391.33 dưới khu vực để xe của nhà nghỉ nên N rủ H vào phòng của chị L đang thuê tìm cách lấy chìa khóa xe để trộm cắp chiếc xe mô tô của chị L, H đồng ý.

Khoảng 11 giờ ngày 12/8/2024, N và H lên phòng của chị L tìm cơ hội lấy chìa khoá xe, H vào phòng nói chuyện với chị L còn N đứng ngoài nhắn tin cho H. Khoảng 30 phút sau, H lấy được chìa khoá xe và đưa cho N. Sau đó, H lấy xe mô tô Biển số 61-470.DL của mình đi ra phía trước nhà nghỉ "Hoàng Đức" đứng chờ, còn N lấy trộm chiếc xe mô tô biển số 72E1-391.33 của chị L để dưới khu vực để xe rồi bỏ đi về hướng chợ

L. Sau đó, N và H mang xe mô tô trộm cắp được đến cầm cố cho ông Hồ Phi C được số tiền 3.000.000 đồng và chia nhau tiêu xài hết.

Sau khi phát hiện mất xe, chị Thạch Thị Mai L đã trình báo Cơ quan Công an.

Tại Cơ quan điều tra, Hoàng Nguyễn H và Quách Phương Ngọc N đã khai nhận toàn bộ hành vi như đã nêu trên.

Theo Kết luận định giá tài sản số 53/KL-HĐĐGTS ngày 30/8/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Long Điền kết luận: Xe mô tô Biển số 72E1-391.33, nhãn hiệu: Honda, loại xe: Air Blade, màu: Xám – bạc – đen, số khung: 4614EZ612392, số máy: JF46E6115429 tại thời điểm ngày 12/8/2024 trị giá 11.660.000 đồng.

- Về vật chứng thu giữ và xử lý:

+ Xe mô tô Biển số 72E1-391.33, nhãn hiệu: Honda, loại xe: Air Blade, màu: Xám – bạc – đen, số khung: 4614EZ612392, số máy: JF46E6115429, Cơ quan CSĐT Công an huyện Long Điền (nay là huyện Long Đất) đã trao trả lại cho chủ sở hữu.

+ 01 xe mô tô Biển số 61-470.DL, số khung hiện tại: SS5011864, số máy hiện tại: SS50E213505 thu giữ của Hoàng Nguyễn H do không có giấy tờ và không xác định được chủ sở hữu. Cơ quan CSĐT Công an huyện Long Đất đã ra thông báo truy tìm nhưng không có kết quả. Hiện chiếc xe được chuyển đến Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ quản lý, chờ xử lý theo quy định.

- Về trách nhiệm dân sự: Sau khi nhận lại tài sản bị trộm cắp, người bị hại không yêu cầu gì thêm. Đối với ông Hồ Phi C đã nhận được số tiền 3.000.000 đồng do Quách Phương Ngọc N bồi thường, không yêu cầu gì thêm.

Tại Cáo trạng số 188/CT-VKSLĐ ngày 30/12/2024, Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Điền (nay là huyện Long Đất) truy tố bị cáo Hoàng Nguyễn H và Quách Phương Ngọc N về tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố các bị cáo theo Cáo trạng. Trong phần luận tội, đại diện Viện kiểm sát đã phân tích, đánh giá tính chất, mức độ nguy hiểm đối với hành vi phạm tội của các bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Hoàng Nguyễn H và Quách Phương Ngọc N phạm tội "Trộm cắp tài sản".

- Về trách nhiệm hình sự: Đề nghị Hội đồng xét xử:

+ Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 58 Bộ luật hình sự;

Xử phạt bị cáo Hoàng Nguyễn H mức án từ 9 tháng tù đến 12 tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 28/10/2024.

+ Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, i, n, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 58 Bộ luật hình sự;

Xử phạt bị cáo Quách Phương Ngọc N mức án từ 9 tháng tù đến 12 tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án.

- Về xử lý vật chứng: Đề nghị Hội đồng xét xử: Tịch thu sung công quỹ nhà nước 01 xe mô tô Biển số 61-470.DL, số khung hiện tại: SS5011864, số máy hiện tại: SS50E213505 thu giữ của Hoàng Nguyễn H.

- Về án phí HSST: Các bị cáo phải chịu án phí theo quy định.

Các bị cáo đồng ý với truy tố của Viện kiểm sát và không tham gia tranh luận. Trong phần trình bày lời nói sau cùng, bị cáo H mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt, bị cáo N xin được hưởng án treo.

Căn cứ vào các tài liệu và chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra - Công an huyện Long Đất, Điều tra viên, Viện Kiểm sát nhân dân huyện Long Đất, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã tuân thủ nghiêm chỉnh theo thủ tục tố tụng trong việc thu thập chứng cứ theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Tại phiên toà, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và người làm chứng vắng mặt nhưng đã có đơn xin xét xử vắng mặt và có đầy đủ lời khai trong quá trình điều tra nên không ảnh hưởng đến việc xét xử vụ án. Do đó, căn cứ Điều 292 và Điều 293 Bộ luật tố tụng hình sự thì Toà án tiến hành xét xử vắng mặt họ.

[2] Về hành vi phạm tội của các bị cáo: Tại phiên tòa hôm nay, qua xét hỏi và tranh luận các bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội của mình, lời khai của các bị cáo hoàn toàn phù hợp với lời khai của các bị cáo tại Cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người làm chứng và phù hợp với các chứng cứ, tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Vì vậy, Hội đồng xét xử đã có căn cứ xác định nội dung vụ án như sau:

Vào khoảng 11 giờ ngày 12/8/2024, tại nhà nghỉ "Hoàng Đức" thuộc ấp T, xã A, huyện Đ, Quách Phương Ngọc N và Hoàng Nguyễn H đã có hành vi lén lút chiếm đoạt của chị Thạch Thị Mai L 01 xe mô tô Biển số 72E1-391.33, nhãn hiệu: Honda, loại xe: Air Blade, màu: Xám – bạc – đen, số khung: 4614EZ612392, số máy: JF46E6115429. Theo kết luận định giá tài sản thì chiếc xe trên có giá trị 11.660.000 đồng.

Như vậy có đủ cơ sở để kết luận bị cáo Quách Phương Ngọc N và bị cáo Hoàng Nguyễn H phạm tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Cáo trạng Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Điền (nay là huyện Long Đất) truy tố các bị cáo là hoàn toàn có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Về tính chất, mức độ hành vi phạm tội:

Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ và ảnh hưởng đến tình hình an ninh trật tự tại địa phương. Các bị cáo phạm tội có tính chất đồng phạm nhưng giản đơn, không có sự cấu kết, phân công Nệm vụ chặt chẽ mà chỉ mang tính bột phát. Bị cáo N là người rủ bị cáo H cùng thực hiện tội phạm và cũng là người thực hiện tội phạm tích cực nhất vì chính bị cáo là người trực tiếp lấy trộm chiếc xe máy của bị hại nên tính chất, mức độ nguy hiểm trong hành vi của bị cáo là nghiêm trọng hơn bị cáo H. Còn bị cáo H là người lấy trộm chìa khoá xe của bị hại để đưa cho bị cáo N, cùng bị cáo N đem chiếc xe trộm cắp được đi cầm cố lấy tiền tiêu xài, khi bị cáo N rủ bị cáo đi trộm cắp thì bị cáo không những không ngăn cản mà còn phối hợp tích cực với bị cáo N để thực hiện hành vi phạm tội.

Các bị cáo đều là người đã trưởng thành, có đầy đủ năng lực trách Nệm hình sự. Các bị cáo nhận thức rõ hành vi của mình là vi phạm pháp luật, gây nguy hiểm cho xã hội nhưng vì mâu thuẫn cá nhân và muốn có tiền tiêu xài mà không cần phải lao động nên các bị cáo vẫn cố tình thực hiện hành vi phạm tội của mình. Do đó cần phải xử phạt các bị cáo mức án thật nghiêm khắc tương xứng với hành vi, tính chất, mức độ phạm tội để có tác dụng răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung trong xã hội. Tuy nhiên, khi quyết định hình phạt cũng phải xem xét tính chất, mức độ phạm tội, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ của từng bị cáo để quyết định hình phạt cho phù hợp.

[4] Về nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

- Về nhân thân: Các bị cáo có nhân thân xấu.

- Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có.

- Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo đã thành khẩn khai báo ăn năn hối cải về hành vi của mình nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo H được bị hại làm đơn bãi nại nên được áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo N phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, sau khi phạm tội bị cáo đã tự nguyện sửa chữa, bồi thường thiệt hại khắc phục hậu quả và phạm tội khi đang có thai nên được áp dụng thêm các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, i, n khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[5] Về xử lý vật chứng: 01 xe mô tô Biển số 61-470.DL, số khung hiện tại: SS50118641, số máy hiện tại: SS50E213505 thu giữ của Hoàng Nguyễn H là phương tiện H dùng để đi thực hiện tội phạm nên cần tịch thu sung công quỹ.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Không.

[7] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

[8] Về quyền kháng cáo: Các bị cáo, bị hại và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về trách nhiệm hình sự:

Tuyên bố: Các bị cáo Quách Phương Ngọc N và Hoàng Nguyễn H phạm tội "Trộm cắp tài sản".

- Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, i, n, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 58 Bộ luật hình sự;

Xử phạt: Bị cáo **Quách Phương Ngọc N** 11 (mười một) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

- Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 58 Bộ luật hình sự;

Xử phạt: Bị cáo **Hoàng Nguyễn H** 12 (mười hai) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 28/10/2024 .

2. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

Tịch thu sung công quỹ nhà nước 01 xe mô tô Biển số 61-470.DL, số khung hiện tại: SS50118641, số máy hiện tại: SS50E213505 thu giữ của Hoàng Nguyễn H.

(*Vật chứng hiện đang được lưu giữ tại Chi Cục thi hành án dân sự huyện Đ theo Biên bản giao nhận vật chứng số 13/BB-CCTHADS ngày 06/02/2025).*

3. Về trách nhiệm dân sự: Không.

4. Về án phí sơ thẩm: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án:

Buộc bị cáo Quách Phương Ngọc N và bị cáo Hoàng Nguyễn H phải chịu mỗi người 200.000 đồng (Hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo, bị hại và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xét xử lại vụ án theo thủ tục phúc thẩm. Đối với bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt thì thời hạn kháng cáo là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;
- VKSND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;
- VKSND huyện Long Đất;
- Công an huyện Long Đất;
- Chi cục THADS huyện Đ;
- Nhà tạm giữ Công an thành phố B;
- Sở Tư pháp tỉnh BR-VT;
- Bị cáo; bị hại, người liên quan;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN–CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Lê Thị Ngân